

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÁCH TIẾP CẬN QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA

PGS. TS. Nguyễn Hoàng Giáp

Viện Quan hệ quốc tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Trong thực tiễn chính trị quốc tế thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh, bên cạnh những hình thức quan hệ vốn có trước đây giữa các quốc gia - dân tộc, đã xuất hiện những hình thức mới rất đa dạng về cấp độ và phong phú về nội dung. Nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước lớn thiết lập hình thức “*hợp tác chiến lược*”, “*đối thoại chiến lược*” hoặc “*quan hệ đối tác chiến lược*” nhằm thúc đẩy hợp tác với nhau trên cả phương diện song phương cũng như đa phương.

Được hình thành trên cơ sở các văn kiện ngoại giao nhà nước, thường là thông qua việc ký các tuyên bố chung của nguyên thủ quốc gia, do đó xét về hình thức thì các khung khổ quan hệ được xác lập như đã nêu trên có ý nghĩa cơ sở mang tính pháp lý, chỉ đạo quan hệ giữa các quốc gia hữu quan. Tuy nhiên, nội hàm của các khái niệm “*hợp tác chiến lược*”, “*đối thoại chiến lược*”, “*quan hệ đối tác chiến lược*”, nhìn chung không được xác định một cách chi tiết cụ thể, rõ ràng và thường được tiếp cận không giống nhau đối với từng mối quan hệ nhất định. Trên thực tế, do tính không rõ ràng của các khái niệm này và xuất phát từ lợi ích của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn cụ thể, cho nên một số khung khổ chiến lược được thiết lập còn mang tính hình thức, mức độ ổn định không cao và có thể chuyển hoá sang các trạng thái quan hệ khác nhau.

Từ nửa cuối thập niên 90 thế kỷ XX đến nay, Liên bang Nga đã thiết lập khung khổ quan hệ đối tác chiến lược với các nước lớn như Trung Quốc, Liên minh Châu Âu (EU), Ấn Độ; quan hệ đối thoại chiến lược với Mỹ; đối tác mang tính xây dựng lâu dài với Nhật Bản. Trong đó, quan hệ của Nga với Trung Quốc, Ấn Độ, EU có tính ổn định vượt trội hơn so với quan hệ của Nga với Mỹ và Nhật Bản, thậm chí quan hệ Nga - Mỹ đã không ít thời điểm rơi vào trạng thái khá căng thẳng, khiến dư luận quốc tế từng liên tưởng đến bầu không khí Chiến tranh Lạnh trong quan hệ hai nước trước đây. Từ thực tế diễn biến trong quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ giữa các nước lớn nói riêng những năm đầu thế kỷ 21, có thể hiểu các khái niệm “*hợp tác chiến lược*”, “*đối thoại chiến lược*”, “*quan hệ đối tác chiến lược*” trên một số nét khái quát nhất.

Trước hết, *hợp tác chiến lược* là khái niệm chỉ sự phối hợp hoạt động giữa hai hay nhiều nước trên cơ sở chia sẻ quan điểm gần gũi về một số các vấn đề đối ngoại quan trọng nhằm giải quyết những thách thức chung trong các lĩnh vực chính trị, an ninh và kinh tế... có liên quan đến lợi ích chiến lược của mỗi nước. Quan hệ hợp tác chiến lược có đặc trưng chung ở tính ổn định tương đối của nó trong một giai đoạn xác định.

Khái niệm *đối thoại chiến lược* trong quan hệ giữa các nước, xét về quy mô và cấp độ, thấp hơn so với *hợp tác chiến lược*. Đối thoại chiến lược chỉ sự trao đổi quan điểm của các nước với nhau về những vấn đề có ý nghĩa chiến lược trên phạm vi khu vực hoặc toàn cầu nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, từ đây có thể đi tới sự phối hợp hành động giải quyết những vấn đề cụ thể trong quan hệ song phương hoặc đa phương. Tính ổn định của quan hệ đối thoại chiến lược không cao, dễ bị thay đổi do những va chạm, mâu thuẫn về lợi ích quốc gia. Quan hệ Nga - Mỹ những năm vừa qua là một trong những biểu hiện rõ nét của hình thái quan hệ này.

Còn khái niệm *đối tác chiến lược* chỉ mối quan hệ ổn định lâu dài giữa hai nước có sự tương đồng trong quan điểm, nhận thức về lợi ích chiến lược tương hỗ, cũng như trong việc giải quyết đối với các vấn đề quốc tế và khu vực quan trọng. Dạng thức quan hệ đối tác chiến lược không chỉ kết hợp chặt chẽ trong hợp tác chiến lược, mà còn nhấn mạnh tới sự thay đổi về những điểm chung chiến lược giữa hai bên thành sự hợp tác về an ninh, quốc phòng, tập trận chung và cùng huấn luyện quân sự, sản xuất thiết bị quốc phòng và trao đổi công nghệ cao có ý nghĩa chiến lược. Theo cách hiểu này, hiện nay quan hệ Nga - Trung, và trên một mức độ nhất định, quan hệ Nga - Ấn đang thực sự tiến tới mối quan hệ với đầy đủ ý nghĩa chủ yếu của khái niệm "đối tác chiến lược".

Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga được xác lập trong bối cảnh cả hai nước đang thực hiện khá thành công công cuộc cải cách và đổi mới trong nước và tích cực mở rộng

quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Sự hình thành quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước là một quá trình trên cơ sở tiếp nối, kế thừa quan hệ hữu nghị truyền thống Việt - Xô có bề dày lịch sử hơn 40 năm (tính đến thời điểm cuối năm 1991). Thật vậy, ý tưởng về quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga đã được lãnh đạo cấp cao hai nước đề cập từ cuối những năm 90 của thế kỷ trước, trong chuyến thăm LB Nga của Chủ tịch nước Trần Đức Lương năm 1998. Đây là kết quả của đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam "luôn coi trọng việc củng cố và phát triển quan hệ hợp tác với các nước bạn bè truyền thống, trong đó có LB Nga", cũng như quyết tâm của lãnh đạo Nga, đặc biệt là Tổng thống Putin, trong việc phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác nhiều mặt Việt - Nga nhằm đáp ứng lợi ích và mong muốn của nhân dân hai nước. Đây cũng là kết quả những nỗ lực tích cực của cả hai bên nhằm thiết lập một khuôn khổ quan hệ mới sau khi Liên Xô tan rã, được khởi đầu từ khi *Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Liên bang Nga* được ký kết trong chuyến thăm LB Nga của Thủ tướng Võ Văn Kiệt năm 1994, thay thế *Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác giữa Việt Nam và Liên Xô* ký năm 1978.

Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga chính thức thiết lập và được ghi nhận trong Tuyên bố chung của nguyên thủ hai nước ngày 01/3/2001, trong chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam lần đầu tiên của Tổng thống Nga Putin. Sự kiện này là một mốc quan trọng, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của quan hệ hợp tác nhiều mặt Việt - Nga, trở thành quan hệ đối tác chiến lược

trên cơ sở tin cậy, chặt chẽ, lâu dài, toàn diện, bình đẳng, cùng có lợi vì lợi ích của hai nước. Tổng thống Putin khẳng định: "Liên bang Nga coi Việt Nam là đối tác chiến lược không chỉ ở Đông Nam Á, mà cả ở Châu Á - Thái Bình Dương"⁽¹⁾ và cho rằng Việt Nam có vị thế thuận lợi làm cầu nối giúp Nga cải thiện vị trí và vai trò ở khu vực này. Những thoả thuận đạt được trong chuyến thăm Việt Nam lần thứ nhất của Tổng thống Putin (3/2001), lần thứ hai (11/2006) và của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh (10/2002), Chủ tịch nước Trần Đức Lương (4/2004) sang thăm Nga, đã củng cố khuôn khổ đối tác chiến lược cho quan hệ Việt - Nga trong thế kỷ 21.

Cho đến nay, ở Việt Nam cũng như ở LB Nga chưa thấy xuất hiện những văn bản nhà nước chính thức chú giải một cách cụ thể về quan niệm "*quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga*", trong khi giới nghiên cứu đối ngoại hai nước có những lý giải khác nhau về khái niệm này, trong đó nhấn mạnh về khả năng và yêu cầu phối hợp chặt chẽ của hai nước trên tầm chiến lược đối với việc giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế. Thứ trưởng Ngoại giao LB Nga Alexceev trong bài viết trên tạp chí "*Đời sống quốc tế*" cho rằng: "Quan hệ Nga - Việt Nam là mối quan hệ hữu nghị, truyền thống dựa trên nền tảng của kinh nghiệm lịch sử phong phú, của sự hợp tác nhiều mặt và có tiềm năng vững chắc. Sự phát triển đi lên của hai nước chúng ta, các bước phối hợp trên trường quốc tế đang mở ra những khả năng to lớn cho việc củng cố hơn nữa các quan hệ đối tác và tăng

cường hợp tác hai nước trong mọi lĩnh vực"⁽²⁾.

Sự hình thành quan hệ hợp tác chiến lược Việt - Nga do dựa trên *những cơ sở rất cơ bản về kinh tế, chính trị, truyền thống và được khẳng định bằng cơ sở pháp lý* nên đã tạo thế nâng đỡ, hỗ trợ khá vững chắc cho mối quan hệ hai nước có khả năng phát triển sâu rộng trong mọi lĩnh vực, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân hai nước. Đề cập quan hệ hai nước nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Nga Putin trong dịp dự Hội nghị cấp cao APEC 14 (2006) tại Hà Nội, báo "Sự thật" của Đảng Cộng sản LB Nga ngày 21/11/2006 viết: Việc Đoàn đại biểu cấp cao của LB Nga với đầy đủ thành phần, trong đó, phù hợp với thực tiễn quốc tế, có cả thủ lĩnh của phái đối lập tham gia chứng, tỏ việc củng cố mối quan hệ hữu nghị Nga - Việt nhận được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân Nga.

Một trong những cơ sở quan trọng hàng đầu của quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga là *lợi ích và nhu cầu hợp tác để phát triển kinh tế và xã hội của mỗi nước*. Việt Nam và Nga đều có cùng mục tiêu là tăng cường sự ổn định ở khu vực và thế giới để ưu tiên phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội trong nước, tham gia vào hoạt động của các tổ chức kinh tế, chính trị của khu vực và quốc tế. Hợp tác kinh tế là động lực để phát triển hợp tác về chính trị, văn hóa, giáo dục và đào tạo,... và ngược lại, phát triển hợp tác trong các lĩnh vực này sẽ tạo đà cho hợp tác kinh tế ngày càng phát triển sâu,

⁽¹⁾ Báo Nhân Dân, ngày 28/2/2001.

⁽²⁾ Alexceev: *Việt Nam "Con hổ mới"*, T/C *Đời sống quốc tế*, số 9/2005.

rộng hơn. Tính từ khi hai nước nối lại quan hệ với nhau từ giữa những năm 90 của thế kỷ 20, mối quan hệ kinh tế, thương mại chiếm vị trí ưu tiên đặc biệt, tuy nhiên việc phát triển hợp tác kinh tế giữa Nga và Việt Nam còn không ít khó khăn do nhiều nguyên nhân. Đầu tư trực tiếp của Nga đã có mặt trong những ngành kinh tế quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam như dầu khí, năng lượng, cơ khí, công nghiệp hoá chất, luyện kim, công nghiệp chế biến nông lâm, hải sản... Theo đà phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và Nga, việc tăng cường hợp tác kinh tế đáp ứng lợi ích thiết thân mang ý nghĩa chiến lược của mỗi nước. V.P Strashko, Phó Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Nga cho rằng: Nước Nga luôn coi Việt Nam là đối tác truyền thống và quan trọng... LB Nga mong muốn và sẵn sàng tạo điều kiện để các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Nga, đưa quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước ngày càng phát triển⁽³⁾.

Sự gắn gũi và trùng hợp về lập trường, quan điểm trong nhiều vấn đề quốc tế và khu vực quan trọng là cơ sở phát triển hợp tác chiến lược Việt - Nga. Mức độ hiểu biết lẫn nhau và sự tin cậy cao giữa các nhà lãnh đạo chính trị hai nước là tiền đề rất cần thiết, tạo động lực thúc đẩy hợp tác trên tầm chiến lược. Trên cơ sở đó, Việt Nam và Nga đã có sự phối hợp chặt chẽ có hiệu quả tại các diễn đàn đa phương như Liên hợp quốc, APEC, ASEAN... phấn đấu vì một thế giới hòa bình, ổn định công bằng và văn minh.

Quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga còn có một *cơ sở có ý nghĩa nổi trội* mà không nhiều mối quan hệ giữa các quốc gia có được, *đó là truyền thống hữu nghị tốt đẹp dựa trên nền tảng của kinh nghiệm lịch sử phong phú của sự hợp tác nhiều mặt và có tiềm năng vững chắc.* Lãnh đạo các cấp của nước Nga đều thống nhất nhận định về ý nghĩa của mối quan hệ truyền thống này. Người Việt Nam vốn thủy chung, tình nghĩa và đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn đánh giá cao và coi trọng quan hệ thủy chung với các nước bạn bè truyền thống, đặc biệt là với nước Nga. Đương nhiên, trong điều kiện lịch sử mới ngày nay, việc giữ gìn và phát huy truyền thống quan hệ hữu nghị cần phải đặt trong sự cân bằng thoả đáng với lợi ích quốc gia. Đây là bài toán không dễ đối với các cơ quan hoạch định chính sách của cả hai nước.

Mặt khác, quan hệ đối tác chiến lược được xác lập trên *cơ sở pháp lý vững chắc, đó là các điều ước quốc tế đã được ký kết trong khuôn khổ song phương và đa phương.* Xét về song phương, hai nước đã ký kết một số văn kiện như: 1) Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của mối quan hệ hữu nghị giữa CHXHCN Việt Nam và LB Nga (16/6/1994) nhân chuyến thăm Nga của Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Hiệp ước này đặt nền móng cho quan hệ Việt - Nga trong giai đoạn mới. 2) Thông cáo chung Việt Nam - LB Nga ngày 25/8/1998 nhân chuyến thăm Nga của Chủ tịch Trần Đức Lương. Thông cáo chung bày tỏ quyết tâm xây dựng quan hệ đối tác chiến lược trong thời gian tới. 3) Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược (01/3/2001) nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Nga Putin, chính thức xác lập

⁽³⁾ Vladimir P. Strashko: *Trả lời phỏng vấn Báo Tin tức*, ngày 21/10/2005.

khôn khổ quan hệ Việt - Nga trong thế kỷ 21.
4) Tuyên bố chung Việt Nam - LB Nga (20/11/2006) nhân chuyến thăm Việt Nam lần thứ hai của Tổng thống Nga Putin.

Các văn kiện trên cùng với các văn kiện đã được ký kết trước đây giữa hai nước là cơ sở pháp lý vững chắc để sự hợp tác nhiều mặt giữa hai nước tiếp tục phát triển theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Xét về đa phương, hai nước đã tham gia ký kết các điều ước quốc tế trong khuôn khổ Liên hợp quốc với tư cách là hai thành viên của tổ chức này. Trong khuôn khổ APEC, Việt Nam và Nga đã cùng với các nước thành viên khác cùng cam kết thực hiện và ký nhiều văn bản hợp tác khu vực. Những năm gần đây, Nga đẩy mạnh mối quan hệ với ASEAN, do đó hai nước có điều kiện hợp tác, phối hợp trên diễn đàn đa phương của Hiệp hội. Năm 1994, Nga ký với ASEAN về thiết lập *quan hệ đối tác tham vấn*; năm 1996 Nga thiết lập *quan hệ đối tác đối thoại đầy đủ* với ASEAN. Năm 2003, Tuyên bố chung giữa các Bộ trưởng Ngoại giao Nga và ASEAN về hợp tác trong sự nghiệp hòa bình, an ninh, thịnh vượng và phát triển ở khu vực đã được ký kết tại Phnôm-pênh (Campuchia).

Năm 2005, Tuyên bố chung giữa người đứng đầu Nhà nước Nga với những người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các nước thành viên ASEAN về *quan hệ đối tác toàn diện và tiến bộ* đã được ký kết cùng lúc với Chương trình Hành động tổng thể phát triển sự hợp tác giữa Nga và ASEAN giai đoạn 2005 - 2015 tại thủ đô Kuala Lumpur của

Malaixia tháng 12/2005. Những văn kiện này đã đặt cơ sở pháp lý cho việc hợp tác toàn diện giữa Nga với ASEAN trong 10 năm tới với nội dung toàn diện và tích cực, thể hiện cam kết chung của hai bên, thúc đẩy quan hệ đối thoại ASEAN - Nga và phản ánh đầy đủ các định hướng tăng cường hợp tác trên hầu hết các lĩnh vực như: chính trị - an ninh, kinh tế, thương mại, tài chính, đầu tư, văn hóa - xã hội, khoa học, công nghệ, năng lượng, khai khoáng, nông nghiệp, giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, du lịch, thể thao.

Các văn kiện được ký kết từ khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ đối tác chiến lược (3/2001) cho thấy *những nội dung chủ yếu trong hợp tác chiến lược Việt - Nga*, bao gồm:

- Tiến hành tiếp xúc chính trị thường xuyên ở các cấp, kể cả ở cấp cao nhất; mở rộng hợp tác giữa các tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương, đáp ứng lợi ích phát triển của mỗi bên, phù hợp với truyền thống quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước.

- Coi trọng việc phát triển quan hệ kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật và đầu tư; quyết tâm thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực dầu khí, năng lượng điện, hoá chất, cơ khí, luyện kim, điện tử, nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, văn hoá và giáo dục đào tạo...; chủ động tìm biện pháp đa dạng và tăng sự hỗ trợ của Nhà nước để mở rộng quan hệ thương mại. Tuyên bố chung Việt - Nga ngày 20/11/2006 nhấn mạnh thêm việc hai bên đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện trên cơ sở phát huy thế mạnh và khả năng của mỗi nước, chú trọng đặc biệt đến vấn đề phát triển hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - thương mại,... tìm phương

thức giải quyết hiệu quả nhất cho những vấn đề còn tồn tại⁽⁴⁾.

- Hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực nhân văn và đẩy mạnh sự trao đổi đa dạng trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, thông tin và liên lạc, y tế, du lịch và thể thao.

- Tăng cường hợp tác kỹ thuật quân sự phù hợp yêu cầu an ninh của hai nước và không nhằm chống lại nước thứ ba; chú trọng mức độ phát triển cao và ngày càng năng động của sự hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ trong lĩnh vực đối ngoại trên cơ sở quan điểm trùng hợp hoặc gần gũi về các vấn đề quốc tế vì lợi ích cùng cố hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Ủng hộ những nỗ lực chung, có định hướng rõ ràng của cộng đồng quốc tế nhằm tạo dựng một thế giới công bằng và dân chủ, chống lại mọi hình thức áp đặt hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền, thiết lập cơ chế đối thoại giữa các nền văn minh, cùng cố trật tự và an ninh thế giới, giữ gìn sự ổn định trên quy mô khu vực và toàn cầu. Nâng cao hiệu quả của Liên hợp quốc trong giải quyết các vấn đề toàn cầu và phát triển hợp tác, trong việc bảo đảm hòa bình và ổn định trên toàn thế giới. Coi trọng việc hội nhập vào hệ thống kinh tế thế giới, trước hết là WTO. Ủng hộ các giải pháp tích cực trong vấn đề kiểm soát vũ khí và giải trừ quân bị, chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa tôn giáo cực đoan. Ủng hộ lập khu vực Đông Nam Á phi hạt nhân,

chống triển khai hệ thống phòng thủ chống tên lửa chiến trường, đề cao vai trò của các diễn đàn khu vực như APEC, ASEAN, ARF, Diễn đàn Hợp tác Thượng Hải. Hỗ trợ lẫn nhau trong các cơ chế đa phương hiện đang có hoặc đang hình thành ở Châu Á-Thái Bình Dương...

Những nội dung hợp tác chủ yếu trong khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược nêu trên đây thể hiện rõ quyết tâm chính trị cao của hai nước đưa hợp tác Việt - Nga phát triển một cách toàn diện từ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, quốc phòng - an ninh đến phối hợp quốc tế trên hàng loạt các vấn đề đối ngoại và quốc tế quan trọng. Do vậy, có thể khẳng định sự hình thành quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước phản ánh sự tiến triển trong tư duy chiến lược của mỗi bên khi nhìn nhận về vai trò vị trí của nhau trong chiến lược đối ngoại của mình. Trong bối cảnh mới, đây còn là một thành tựu to lớn của chính sách đối ngoại đa dạng hoá, đa phương hoá của Đảng và Nhà nước Việt Nam, cũng như sự điều chỉnh chính sách đối ngoại Nga đối với khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Sự hình thành quan hệ đối tác chiến lược Việt - Nga, xét trên nhiều góc độ, có ý nghĩa quan trọng trên phương diện quan hệ quốc tế cũng như đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của Việt Nam. Vào thời điểm bước sang thế kỷ mới, cùng với việc bình thường hoá quan hệ với Mỹ, tăng cường quan hệ với Trung Quốc, việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Nga đã góp phần tạo dựng cân bằng chiến lược mới trong quan hệ giữa Việt Nam và các nước lớn, bảo đảm an ninh

⁽⁴⁾ Tuyên bố chung Việt Nam - Liên bang Nga, Báo Nhân dân, ngày 21/11/2006

chiến lược và môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mặt khác, việc tạo dựng được một khuôn khổ mới nhằm củng cố và mở rộng nội dung hợp tác toàn diện hơn với Nga, một đối tác truyền thống quan trọng và tiềm năng, trên các lĩnh vực chính trị - an ninh, ngoại giao, kinh tế- thương mại, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, quân sự, văn hoá - xã hội,... đáp ứng lợi ích thiết thực của Việt Nam trước những thay đổi to lớn tại mỗi nước cũng như trên thế giới.

Vào thời điểm bước sang thiên niên kỷ mới, trong văn bản "*Khái niệm mới về chính sách đối ngoại của LB Nga*", được Tổng thống Putin phê chuẩn ngày 28/6/2000, Nga đã xác định mục tiêu tổng thể trong chính sách và hoạt động đối ngoại của Nga những thập niên đầu thế kỷ XXI là: *Thứ nhất*, tạo điều kiện bên ngoài thuận lợi để có sự hỗ trợ về mặt chính trị và vật chất cho công cuộc cải cách trong nước. *Thứ hai*, bảo đảm cho nước Nga giữ được vị thế một cường quốc trên trường quốc tế, trước hết là ở những khu vực, lĩnh vực chiến lược quan trọng nhất. Văn kiện này cũng xác định những hướng ưu tiên, mà chính sách và hoạt động đối ngoại của Nga sẽ triển khai trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Trong đó, khu vực Châu Á-Thái Bình Dương được xếp sau SNG, châu Âu (EU, Trung-Đông Âu, Bantích), Mỹ.

Chính sách của Nga tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương được coi là một trong những ưu tiên đối ngoại chủ yếu. Nga tham gia ngày càng tích cực hơn vào những cơ chế đa phương hàng đầu của sự phối hợp hành

động khu vực như APEC, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), ASEAN. Trong khuôn khổ quan hệ song phương, Nga thiết lập quan hệ đối tác chiến lược ổn định với Trung Quốc, đối tác chiến lược truyền thống với Ấn Độ, đối tác mang tính xây dựng lâu dài với Nhật Bản. Nga coi trọng quan hệ với Pakitxtan, Iran và các quốc gia Nam Á khác. Với khu vực, Nga coi nhiệm vụ hàng đầu của mình là mở rộng các mối quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực, nhanh chóng hoà nhập vùng Viễn Đông của Nga vào hệ thống các mối quan hệ kinh tế của khu vực. Nga hy vọng phát huy tiềm năng to lớn về nguyên, nhiên liệu, sản xuất và khoa học kỹ thuật để có thể đóng vai trò quan trọng ở khu vực. Định hướng này thể hiện rất rõ tính thực dụng của nền ngoại giao Nga thời hậu Xô viết.

Đối với Nga, rõ ràng việc thúc đẩy quan hệ chiến lược với người bạn truyền thống Việt Nam là một đích quan trọng để Nga xác lập lại vị trí của một đối tác có trọng lượng trong khu vực Đông Nam Á giữa lúc Mỹ, EU, Nhật Bản và Trung Quốc cũng đang tranh giành ảnh hưởng đối với khu vực này. Đây là một hướng quan trọng trong chiến lược giành lại và phát huy vai trò nước lớn của Nga. Nước Nga ngày nay đã xác định rõ địa vị nước lớn của mình trong các công việc của thế giới. Nga có diện tích lãnh thổ rộng lớn, nguồn tài nguyên vô cùng phong phú, nguồn nhân lực hùng hậu, có thực lực quân sự quy mô lớn, hoàn toàn có khả năng và điều kiện phát huy vai trò nước lớn. Nga chọn Việt Nam là nước có quan hệ hữu nghị truyền thống hơn 50, có nhiều người biết tiếng Nga và tiếp thu tinh hoa văn hoá, khoa

học kỹ thuật của Nga, chính là chọn một đối tác tin cậy đầy tiềm năng trong việc cạnh tranh ảnh hưởng với các nước lớn khác tại khu vực.

Trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, tư tưởng chỉ đạo cơ bản, xuyên suốt là: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Việt Nam nhấn mạnh chủ trương mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực. Mặt khác, Việt Nam coi trọng việc chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Trong tình hình mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam nhấn mạnh nhiệm vụ “Ngoại giao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế” là ưu tiên hàng đầu của hoạt động đối ngoại. Do đó, cần đặc biệt chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại trong quan hệ với các nước để thúc đẩy hợp tác kinh tế. Việt Nam chú trọng thúc đẩy các quan hệ đối tác đã được thiết lập đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, xây dựng các mối quan hệ thực chất, ổn định lâu dài; đề cao việc củng cố, phát triển hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược.

Từ những quan điểm đối ngoại nêu trên, có thể thấy rõ, Việt Nam hoàn toàn có thể củng cố và phát triển hợp tác toàn diện trên tầm chiến lược với Nga. Trong bối cảnh phấn đấu hoàn thành công nghiệp hoá, hiện đại hoá vào năm 2020, Việt Nam cần tranh thủ yếu tố bên ngoài thuận lợi, do đó không thể không tính đến vai trò của yếu tố Nga. Đối với Việt Nam, mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, trong đó có Nga, luôn là một trong những hướng ưu tiên của chính sách đối ngoại. Mặt khác, cân bằng quan hệ với các nước lớn cũng là một trong những trọng tâm trong chính sách đối ngoại. Lợi ích về chính trị trong quan hệ với Nga là lợi ích chiến lược đáng kể nhất đối với Việt Nam. Dù kinh tế Nga chưa phát triển cao, nhưng Nga là một trong những nước có tiếng nói quyết định trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và những thế mạnh khác về quân sự, khoa học, công nghệ... như đã nêu ở trên. Nước Nga thực sự đang có vai trò quan trọng trong số những thị trường toàn cầu đang nổi lên. Theo phân tích của Trung tâm nghiên cứu Goldman Sachs, Nga nằm trong số 4 thị trường đang nổi lên quan trọng nhất bên cạnh Braxin, Ấn Độ và Trung Quốc - nhóm BRIC⁽⁵⁾. Với tư cách là một thị trường đầy tiềm năng trong tương lai, nước Nga sẽ là một trong những điểm lựa chọn chiến lược quan trọng cho nhiều công ty lớn, nhỏ của thế giới. Hơn nữa, trong lịch sử cũng như hiện tại, quan hệ với Nga là mối quan hệ duy nhất của Việt

⁽⁵⁾ Goldman Sachs Global Research Centres, Economic Research from the GS Financial Workbench at <https://www.gs.com> : Global Economics Paper No: 99: *Domonic Wilson and Roopa Purushothaman: Dreaming With BRICs: The Path to 2050, 1st October 2003.*

Nam với các nước lớn không có xung đột, mâu thuẫn lớn, không bị cạnh tranh nhau trong bất cứ lĩnh vực nào, đồng thời lại có truyền thống hữu nghị lâu đời. Phát triển quan hệ tốt đẹp với Nga, sẽ tạo thế cho Việt Nam trong quan hệ cân bằng với các nước lớn trong khu vực và thế giới. Vị thế của Việt Nam càng lên cao trên vũ đài quốc tế, thì Nga càng quan tâm hơn nữa đến việc phát triển quan hệ với Việt Nam.

Thực tiễn vận động, phát triển hợp tác Việt - Nga hơn 6 năm qua kể từ khi xác lập đối tác chiến lược (2001-2007) đã đạt nhiều thành tựu quan trọng và hai bên đều có nhu cầu hợp tác với nhau, tìm thấy những thuận lợi, những giá trị lợi ích của mình trong việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược. Tuy nhiên, hợp tác Việt - Nga rõ ràng chưa thật sự có đầy đủ ý nghĩa chủ yếu của khái niệm "quan hệ đối tác chiến lược" nếu so sánh với quan hệ đối tác chiến lược Nga - Trung hoặc Nga - Ấn. Mặt khác, cũng cần phải thấy rằng, ngày nay về bản chất, quan hệ Việt - Nga không phải là liên minh chính trị hoặc quân sự, mà là mối quan hệ đối tác ở mức cao (chiến lược) nhằm đối phó với những thách thức phổ biến trên thế giới và tăng cường hợp tác kinh tế trong điều kiện toàn cầu hoá. Quan điểm lợi ích chi phối mối quan hệ giữa hai nước mà từ phía Nga đó là quan điểm hiện thực và thực dụng của nền ngoại giao Nga hiện nay.

Hợp tác chiến lược Việt - Nga được xác lập và vận động trong điều kiện có những sự khác biệt khá cơ bản về chính trị, kinh tế, đối ngoại giữa hai nước. Điều này tác động không nhỏ đến sự phát triển quan hệ giữa hai

nước. Về chính trị, hệ thống chính trị của Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn diện, dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hệ thống chính trị Việt Nam đổi mới nhưng giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Còn Nga áp dụng hệ thống chính trị đa nguyên, đa đảng đối lập, và về cơ bản theo mô hình hệ thống chính trị tư bản phương Tây. Thể chế nhà nước và bộ máy nhà nước Việt Nam theo nguyên tắc thống nhất quyền lực của nhà nước, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ở Nga, thể chế và bộ máy nhà nước theo nguyên tắc của thể chế phương Tây là tam quyền phân lập.

Trên phương diện kinh tế, Việt Nam và Nga đều chuyển sang kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế, nhưng có điều khác biệt quan trọng là Nhà nước Việt Nam vẫn giữ vai trò điều tiết mạnh, trong khi Nhà nước Nga hầu như "buông lỏng" cho thị trường tác động, không chú trọng giữ vai trò điều tiết. Do vậy, sự phát triển quan hệ kinh tế Việt - Nga sẽ tùy thuộc chủ yếu vào doanh nghiệp hai nước, nhất là đối với phía các doanh nghiệp Nga. Lợi ích kinh tế sẽ là động lực chủ đạo thúc đẩy các doanh nghiệp Nga có hay không mở rộng quan hệ hợp tác với Việt Nam.

Về đối ngoại, nước Nga vẫn có xu hướng xem trọng các đối tác phương Tây và các nước lớn, đặc biệt là Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ; trong khi đó, Việt Nam coi trọng quan hệ với các nước láng giềng. Nga là thành viên thường trực của Hội đồng

Bảo an Liên hợp quốc, thành viên G8, là cường quốc quân sự, có lợi ích và vai trò quan trọng trong việc giải quyết các cuộc xung đột, tranh chấp quốc tế. Còn Việt Nam chưa thể, nếu không muốn nói là không thể, có vai trò như Nga. Vị thế quốc tế của hai bên như vậy đòi hỏi Việt Nam phải có chính sách chủ động, khôn khéo trong phát triển quan hệ song phương với Nga, điều này nằm trong chiến lược chung của Việt Nam phát triển quan hệ đa phương với các nước lớn. Trong khi tính chủ động từ phía Nga trong phát triển quan hệ với Việt Nam chưa được thể hiện một cách rõ nét, một phần là vì, tuy Nga coi trọng vị trí của Việt Nam ở Đông Nam Á, song khu vực này cũng không thuộc hướng ưu tiên chiến lược hàng đầu của Nga.

Từ những trình bày trên cho thấy, sự gặp gỡ về lợi ích giữa Việt Nam và Nga chính là cơ sở, động lực rất quan trọng thúc đẩy hợp tác chiến lược giữa hai nước trong những năm vừa qua cũng như những năm tới trên mọi lĩnh vực. Đương nhiên, hai nước rất cần thiết phải có sự tiếp cận rõ ràng, cụ thể hơn nữa về khuôn khổ mối quan hệ đã được xác lập và bằng hành động thiết thực để khắc phục những khó khăn trở ngại hiện tồn tại, nhằm đưa quan hệ Việt - Nga phát triển tương xứng với tầm vóc căn cơ của quan hệ đối tác chiến lược cũng như truyền thống tốt đẹp vốn có của mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alekseev. A: *Việt Nam - "Con hổ mới"*, T/c Đời sống quốc tế, số 9/2005 (Tiếng Nga).

2. *Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ hữu nghị giữa CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga (16/6/1994)*, Tài liệu lưu trữ, Bộ Ngoại giao Việt Nam.

3. *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga*, ngày 01/3/2001, Tài liệu lưu trữ, Bộ Ngoại giao Việt Nam.

4. *Tuyên bố chung Việt Nam-Liên bang Nga*, Nhân dân, ngày 21/11/2006.

5. Putin V, *Phát triển quan hệ nhiều mặt với Việt Nam là một trong những hướng ưu tiên của LB Nga*, Báo Nhân dân, ngày 28/2/2001.

6. Trần Đức Lương, *Việt Nam coi việc củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống với LB Nga là định hướng chiến lược lâu dài*, Nhân dân, ngày 28/2/2001.

7. TTXVN: *Lộ trình "Hướng Đông" trong chính sách đối ngoại của LB Nga*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 9/2/2006.

8. M. Walkmam, *Vì sao Nga tích cực tham gia vào châu Á*, Báo Tin tức, 31/12/2005.

9. С.В Лавров, *Подъем Азии и восточный вектор внешней политики России*, журнал Россия в глобальной политике, № 2, март-апрель 2006 года.

10. *Комплексная программа действий по развитию сотрудничества Российской Федерации и Ассоциации государств Юго-Восточной Азии на 2005-2015гг.* (13/12/2005 - Куала-Лумпуре, Малайзия), www.president.kremlin.ru